

Số 838 - QĐ/HNDTW

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng
của Hội Nông dân Việt Nam

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
- Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khoá VIII;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khoá VIII;
- Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Hội Nông dân Việt Nam,

BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1218-QĐ/HNDTW ngày 24/12/2014 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan Trung ương Hội; Hội Nông dân các cấp; các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lưu*

Nơi nhận:

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng TW Hội;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng CQTW Hội;
- Các đồng chí Ủy viên BCH TW Hội;
- Hội Nông dân các tỉnh, thành phố;
- Các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội;
- Lưu VP, BTC.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

Lương Quốc Đoàn



Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUY ĐỊNH

Về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 838 - QĐ/HNDTW ngày 16 tháng 9 năm 2024
của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét danh hiệu thi đua, xét khen thưởng và một số nội dung khác liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam.

2. Thi đua, khen thưởng trong các cơ quan chuyên trách của Hội và việc đề xuất danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc Hội Nông dân Việt Nam thực hiện theo pháp luật về thi đua, khen thưởng của Nhà nước và các quy định có liên quan trong Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho:

- Các ban, đơn vị Trung ương Hội
- Hội Nông dân các cấp (cấp tỉnh, huyện, xã) và chi, tổ Hội.
- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Hội Nông dân các cấp, hội viên nông dân, hộ nông dân có thành tích xuất sắc trong công tác, học tập, lao động, sản xuất, hoạt động xã hội.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tổ chức nước ngoài ở Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự phát triển của tổ chức Hội và phong trào nông dân.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

- Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch.
- Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng

Việc khen thưởng được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời.

b) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ theo quy định.

c) Chú trọng khen thưởng các chi, tổ Hội, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; tập thể, cá nhân công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng (trừ Kỷ niệm chương Vì giai cấp nông dân Việt Nam); thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Khi xét khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

đ) Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng.

e) Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

f) Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

g) Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp cá nhân nữ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian để xét khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo quy định chung.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công

việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị. Phong trào thi đua phải hướng về cơ sở, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, thiết thực, hiệu quả, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, bảo đảm thực hiện đồng bộ ở 4 khâu (phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến).

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt): Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp cụ thể.

3. Phạm vi tổ chức thi đua: Trong toàn hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

Điều 5. Nội dung, tổ chức phát động các phong trào thi đua

1. Xây dựng nội dung của các phong trào thi đua: Nội dung phong trào thi đua phải gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ chính trị của Hội Nông dân Việt Nam và của địa phương. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của các cấp Hội và các cá nhân.

2. Tổ chức phát động, triển khai phong trào thi đua: Căn cứ nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân, đặc điểm của từng địa phương, đơn vị để có hình thức, tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể, hộ nông dân tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, nhất là phong trào thi đua có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên.

3. Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua: Thường xuyên đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng; kịp thời phát hiện, khắc phục hạn chế, thiếu sót, xử lý các hành vi vi phạm về thi đua, khen thưởng.

4. Sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua: Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm. Tổ chức bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc. Khuyến khích khen thưởng cho các chi, tổ Hội có thành tích tiêu biểu xuất sắc;

người lao động trực tiếp là nông dân, công chức, viên chức và người lao động năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức và tuyên truyền các phong trào thi đua

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp tổ chức sâu rộng phong trào thi đua trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, giữ vững và phát huy tác dụng các điển hình, nhân tố mới.

2. Thủ trưởng các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội; Chủ tịch Hội Nông dân các tỉnh, thành phố chủ trì tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Phối hợp, tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

3. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền của Hội có trách nhiệm tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, vị trí vai trò, tầm quan trọng của phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; phản ánh đúng kết quả, bài học kinh nghiệm, những đổi mới trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Các đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng các cấp Hội, căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể về công tác Hội và phong trào nông dân, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm và nhiệm vụ chính trị được giao của cơ quan, đơn vị để tham mưu, đề xuất với Đảng đoàn, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội về kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động hội viên nông dân tham gia phong trào thi đua.

Điều 7. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân

1. Đối với tập thể

- a) Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội.
- b) Tập thể Lao động xuất sắc.
- c) Tập thể Lao động tiên tiến.
- d) Chi Hội xuất sắc.
- đ) Tổ Hội xuất sắc.

2. Đối với cá nhân

- a) Lao động tiên tiến.
- b) Chiến sĩ thi đua cơ sở.
- c) Chiến sĩ thi đua Trung ương Hội.
- d) Hội viên nông dân xuất sắc.
- đ) Hộ Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể

1.1. Đối với các ban, đơn vị Trung ương Hội

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Được Khôi thi đua bình chọn, suy tôn.

* **Tỷ lệ:** Không quá 20% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
- Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Được Khôi thi đua bình chọn, suy tôn.

1.2. Đối với cấp tỉnh, huyện, cơ sở Hội

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây

- Được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Là đơn vị tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.
- Có sáng kiến nổi bật trong chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua và các nhiệm vụ công tác Hội đạt hiệu quả.
- Nội bộ đoàn kết.
- Được cụm, khối thi đua (nếu có) bình chọn, suy tôn vinh.

* **Tỷ lệ:** Không quá 20% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Được cụm, khối thi đua (nếu có) bình chọn, suy tôn.

1.3. Danh hiệu “Chi Hội xuất sắc ”

Là những chi Hội xuất sắc tiêu biểu được bình chọn trong số các chi Hội đạt tiêu chuẩn xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo Hướng dẫn của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh về đánh giá đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm.

1.4. Danh hiệu “Tổ Hội xuất sắc ”

Là những tổ Hội xuất sắc tiêu biểu được bình chọn trong số các tổ Hội đạt tiêu chuẩn xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo Hướng dẫn của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh về đánh giá đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm.

2. Đối với cá nhân

2.1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ.
- Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

2.2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc sáng tạo trong học tập, lao động, sản xuất được đơn vị công nhận.

2.3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Trung ương Hội”

Danh hiệu chiến sĩ thi đua Trung ương Hội để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
- Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi hệ thống Hội hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong hệ thống Hội.

2.4. Danh hiệu “Hội viên nông dân xuất sắc”

Danh hiệu Hội viên nông dân xuất sắc để tặng cho hội viên nông dân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Hội viên nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, được tôn vinh, trở thành tấm gương trên một lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực công tác Hội và phong trào nông dân.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của người hội viên.
- Gương mẫu, tiên phong trong các phong trào thi đua và các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, của địa phương và của Hội.
- Được chi Hội bình chọn, suy tôn.

2.5. Danh hiệu hộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”

Thực hiện theo Quyết định số 181 - QĐ/HNDTW ngày 20/2/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về việc ban hành Quy định công nhận danh hiệu hộ Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

Điều 9. Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Xét định kỳ hằng năm

Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội được xét tặng hằng năm cho các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội và Hội Nông dân các tỉnh, thành phố trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là đơn vị xuất sắc dẫn đầu trong Cụm, Khối thi đua.

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các ban, đơn vị, Hội Nông dân tỉnh, thành phố khác học tập.

- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

* **Tỷ lệ:** Mỗi Cụm, Khối thi đua được tặng 01 Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

2. Xét theo nhiệm kỳ

2.1. Đối với Hội Nông dân cấp tỉnh: Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội được xét tặng theo nhiệm kỳ 5 năm một lần vào năm cuối của nhiệm kỳ đại hội cho Hội Nông dân cấp tỉnh hàng năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” trong công tác Hội và phong trào nông dân; trong thời gian đó có 1 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội (*hoặc Cờ thi đua của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*); hoặc 02 lần được tặng Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội; hoặc 01 lần được tặng Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội và 01 lần được tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.2. Đối với Hội Nông dân cấp huyện: Mỗi tỉnh, thành Hội chọn một đơn vị cấp huyện dẫn đầu trong số các đơn vị cấp huyện xuất sắc, tiêu biểu (riêng Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa chọn 2 đơn vị) để đề nghị tặng Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Điều 10. Thẩm quyền, thời gian xét, công nhận các danh hiệu thi đua

1. Thời gian bình xét

Các danh hiệu thi đua được xét tặng hằng năm vào dịp tổng kết năm.

2. Thẩm quyền xét, công nhận

2.1. Ban Thường vụ Trung ương Hội quản lý, thẩm định và công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- Cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội cho các ban, đơn vị Trung ương Hội và Hội Nông dân cấp tỉnh đạt danh tập thể Lao động xuất sắc dẫn đầu Cụm, Khối thi đua.

- Tập thể Lao động xuất sắc cho các ban, đơn vị Trung ương Hội và Hội Nông dân cấp tỉnh.

- Tập thể Lao động tiên tiến cho các ban, đơn vị Trung ương Hội và Hội Nông dân cấp tỉnh.

- Chiến sĩ thi đua Trung ương Hội cho các cá nhân thuộc cơ quan Trung ương Hội.

2.2. Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quản lý, thẩm định và xét, công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- Tập thể Lao động xuất sắc công tác Hội và phong trào nông dân cấp huyện.

- Tập thể Lao động tiên tiến công tác Hội và phong trào nông dân cấp huyện.

2.3. Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện quản lý, thẩm định và xét, công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- Tập thể Lao động xuất sắc công tác Hội và phong trào nông dân cấp cơ sở.

- Tập thể Lao động tiên tiến công tác Hội và phong trào nông dân cấp cơ sở.

2.4. Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp cơ sở quản lý, thẩm định và xét, công nhận các danh hiệu thi đua sau:

- Chi Hội xuất sắc.

- Tổ Hội xuất sắc.

- Hội viên nông dân xuất sắc.

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Hình thức khen thưởng của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

1. Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam”

Xét tặng cho các cá nhân có nhiều thành tích, công lao đóng góp trong công tác xây dựng Hội và phong trào nông dân được quy định tại Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam” của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội

2.1. Tiêu chuẩn

a) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Trung ương Hội phát động.

- Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Trung ương Hội.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

- Nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a mục 2.1 khoản 2 của Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của tổ chức Hội được Ban Thường vụ Trung ương Hội công nhận.

c) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Trung ương Hội.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

d) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm c mục 2.1 khoản 2 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của của tổ chức Hội được Trung ương Hội công nhận.

đ) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho hộ gia đình nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Trung ương Hội quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế tại từng thời điểm xét khen thưởng.

e) Bằng khen của Ban Chấp hành Trung ương Hội để tặng cho các tập thể, các tổ chức, các cá nhân trong nước, các tổ chức quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có nhiều đóng góp tích cực, thiết thực, hiệu quả xây dựng giai cấp Nông dân và Hội Nông dân Việt Nam do các ban chuyên môn Trung ương Hội, Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố đề nghị.

2.2. Tỷ lệ xét tặng Bằng khen tổng kết công tác Hội hằng năm

a) Đối với tập thể

- Các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội: Không quá 50% tổng số ban, đơn vị trực thuộc đạt một trong các tiêu chuẩn tại điểm c mục 2.1 khoản 2 điều này.

- Hội Nông dân cấp tỉnh: Không quá 50% tổng số các tỉnh, thành phố đạt một trong các tiêu chuẩn tại điểm c mục 2.1 khoản 2 điều này.

- Hội Nông dân cấp huyện: Không quá 10% tổng số Hội Nông dân quận, huyện, thị, thành phố trực thuộc đạt một trong các tiêu chuẩn tại điểm c mục 2.1 khoản 2 điều này.

- Hội Nông dân cấp cơ sở: Không quá 5% tổng số Hội Nông dân xã, phường, thị trấn đạt một trong các tiêu chuẩn tại điểm c mục 2.1 khoản 2 điều này.

b) Đối với cá nhân

- Cơ quan Trung ương Hội: Không quá 30% tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị đạt một trong các tiêu chuẩn tại điểm a mục 2.1 khoản 2 điều này.

- Cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở Hội: Thực hiện theo Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Quy định này.

Điều 12. Hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp tỉnh

Bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh được xét tặng hằng năm cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc.

1. Tiêu chuẩn

a) Bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội phát động.

- Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Hội Nông dân cấp tỉnh

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Trong năm được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 01 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

- Nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Hội Nông dân cấp tỉnh.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

c) Bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh để tặng cho hộ gia đình nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế của từng địa phương tại từng thời điểm xét khen thưởng.

d) Hội Nông dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Hội Nông dân cấp tỉnh đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỉ lệ khen thưởng cụ thể do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quy định.

Điều 13. Hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp huyện

Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện được xét tặng hàng năm cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc.

1. Tiêu chuẩn

a) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội phát động.

- Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Hội Nông dân cấp huyện.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Trong năm được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 01 đề tài được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

- Nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện để tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của tổ chức Hội được Hội Nông dân cấp huyện công nhận.

c) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện để tặng cho tập thể (cơ sở hội, chi hội) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Hội Nông dân cấp huyện.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Trong năm được công nhận xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chi Hội xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

d) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm c của Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của của tổ chức Hội được Hội Nông dân cấp huyện công nhận.

đ) Giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện để tặng cho hộ gia đình nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Hội Nông dân huyện quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế của từng địa phương tại từng thời điểm xét khen thưởng.

e) Hội Nông dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng giấy khen của Hội Nông dân cấp huyện đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỉ lệ khen thưởng cụ thể do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp huyện quy định.

Điều 14. Hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp cơ sở

Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở được xét tặng hàng năm cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc.

1. Tiêu chuẩn

a) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội phát động.

- Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Hội Nông dân cấp cơ sở.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Trong năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có sáng kiến nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội.

- Nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở để tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a của Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của tổ chức Hội được Hội Nông dân cấp cơ sở công nhận.

c) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở để tặng cho tập thể (chi hội, tổ hội) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Hội Nông dân cấp cơ sở.

- Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

- Trong năm được công nhận xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Chi Hội xuất sắc”, “Tổ Hội xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

d) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm c, khoản 1 của Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của của tổ chức Hội được Hội Nông dân cấp cơ sở công nhận.

đ) Giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở để tặng cho hộ gia đình nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Giá trị mức đóng góp do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp cơ sở quyết định trên cơ sở tình hình cụ thể và điều kiện thực tế của từng địa phương tại từng thời điểm xét khen thưởng.

e) Hội Nông dân cấp cơ sở trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng giấy khen của Hội Nông dân cấp cơ sở đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỉ lệ khen thưởng cụ thể do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp cơ sở quy định.

Điều 15. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt)

Là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp phát động.

1. Điều kiện xét khen thưởng: Chỉ xét khen thưởng đối với các chuyên đề có trong nội dung thi đua, có tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề do Trung ương Hội chủ trì hoặc phối hợp tổ chức.

2. Đối tượng:

- a) Tập thể, cá nhân là cán bộ Hội, hội viên nông dân các cấp.
- b) Các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội và Hội Nông dân cấp tỉnh.
- c) Tập thể, cá nhân đơn vị phối hợp.

3. Tiêu chuẩn:

- a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chỉ đạo, thực hiện chuyên đề.
- b) Được các cấp Hội, các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội bình chọn, đề xuất.

4. Thời gian đề nghị : Trước Hội nghị tổng kết, sơ kết.

Điều 16. Khen thưởng đột xuất

Là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc đột xuất trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân đảm nhận.

1. Đối tượng, tiêu chuẩn

Tập thể, cá nhân trong và ngoài hệ thống tổ chức Hội, có hành động dũng cảm, có nghĩa cử cao đẹp vì giai cấp nông dân và sự phát triển của Hội Nông dân Việt Nam và cộng đồng, được Ban Thường vụ Hội nông dân các cấp, các ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội phát hiện, đề xuất.

2. Thời hạn trình xét khen thưởng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng.

CHƯƠNG IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, QUY TRÌNH, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 17. Thẩm quyền quyết định danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của Hội Nông dân cấp nào do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp đó quyết định theo Quy chế làm việc của Ban Thường vụ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đó.

2. Việc khen thưởng theo chuyên đề và đột xuất, Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp giao cho Thường trực Hội Nông dân các cấp xem xét, quyết định.

3. Trường hợp cấp có thẩm quyền phát hiện tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất thì tùy theo thành tích đạt được để quyết định khen thưởng ở cấp mình hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khác khen thưởng kịp thời ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Điều 18. Thẩm quyền quản lý mẫu cờ thưởng, bằng khen, giấy khen, hiện vật khen thưởng

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội ban hành quy định thống nhất mẫu Cờ thưởng, Bằng khen, Giấy khen trong hệ thống tổ chức Hội theo nghị định của Chính phủ.

2. Cờ thưởng, Bằng khen, Kỷ niệm chương do Trung ương Hội khen tặng thuộc bản quyền của Ban Chấp hành Trung ương Hội và được bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cấp nào quyết định khen thưởng thì lãnh đạo cấp đó trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền cho lãnh đạo cấp dưới trao tặng.

2. Việc tổ chức lễ trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo nghị định của Chính phủ.

Điều 20. Quy định chung về quy trình, thủ tục khen thưởng

1. Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội, các tỉnh, thành Hội có trách nhiệm tham mưu và đề nghị Ban Thường vụ Trung ương Hội xét, quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Trung ương Hội.

2. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác do cấp dưới trực tiếp của cấp Hội có thẩm quyền xem xét, quyết định và đề nghị khen thưởng.

3. Căn cứ vào các tiêu chuẩn cụ thể đã được xác định cho từng danh hiệu thi đua, từng hình thức khen thưởng các cấp Hội tiến hành bình xét công khai, dân chủ, chính xác, khách quan.

4. Kết quả bình xét được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của từng cấp Hội xét và báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp đó xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền đã được quy định trong Quy định này.

5. Chuyên đề thuộc lĩnh vực do ban, đơn vị nào tham mưu cho Ban Thường vụ khi sơ kết, tổng kết thì ban, đơn vị thuộc lĩnh vực đó chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ trình.

6. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định của Hội có liên quan.

Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

7. Việc xét, công nhận sáng kiến; xét, nghiệm thu đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành văn bản chứng nhận hoặc xác nhận về hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng.

8. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Ngoài việc khen thưởng theo thẩm quyền, lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (đối với phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên); lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (đối với phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên).

9. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể:

- Cá nhân tham gia phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào

thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, cá nhân phải chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...).

- Đối với cá nhân chuyển công tác hoặc được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức) hoặc cơ quan, đơn vị mới (đối với cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

- Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

10. Không tặng cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội đối với tập thể nằm trong tỷ lệ được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Trường hợp tập thể đã đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” thì Trung ương Hội xem xét, quyết định tặng cờ thi đua của Ban Chấp hành Trung ương Hội theo quy định chung.

11. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ. Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

12. Không xét khen thưởng đối với những trường hợp: Tập thể, cá nhân bị kỷ luật (Đảng, chính quyền, đoàn thể) từ hình thức khiển trách trở lên (trong thời gian một năm kể từ ngày có quyết định), hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thủ tục và thời gian quy định.

13. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định

khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính từ thời điểm ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Điều 21. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, xét khen thưởng

Hồ sơ khen thưởng gửi gồm bản giấy (bản chính) đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word và file pdf) của hồ sơ, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước.

1. Hồ sơ xét khen thưởng thường xuyên

- Văn bản đề nghị khen thưởng của tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp có cá nhân, tập thể được xét khen thưởng (*Tờ trình đề nghị của cụm thi đua hoặc của Ban Thường vụ cấp Hội chịu trách nhiệm xét, trình*).

- Biên bản cuộc họp đánh giá, suy tôn của cụm, khối thi đua.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu cuộc họp xét khen thưởng của đơn vị cấp trình khen.

- Báo cáo thành tích của cá nhân (có ý kiến xác nhận của Ban Thường vụ cấp Hội nơi đang công tác hoặc sinh hoạt), tập thể (có ý kiến xác nhận của cấp ủy đảng cùng cấp). Đối với tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể khi đề nghị khen thưởng trong Báo cáo thành tích phải thể hiện là tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể.

- Bản tổng hợp danh sách trích ngang thành tích.

- Trường hợp xét khen thưởng thành tích về nghiên cứu khoa học, phát minh sáng kiến thì phải có quyết định hoặc bằng công nhận do cơ quan thẩm quyền cấp gửi kèm theo hồ sơ (bản sao có công chứng).

- Trường hợp đề nghị tặng Huân chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ phải có ý kiến của Trung ương Hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các tỉnh, thành Hội).

- Đối với các tổ chức quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có nhiều đóng góp thiết thực xây dựng giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam do các ban chuyên môn Trung ương Hội, Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố có văn bản đề nghị.

2. Hồ sơ khen thưởng chuyên đề và khen đột xuất

- Tờ trình đề nghị của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trình khen hoặc bộ, ban, ngành đề nghị khen.

- Tờ trình đề nghị của ban, đơn vị theo dõi chuyên đề có xác nhận của Thường trực phụ trách.

- Báo cáo thành tích có xác nhận của lãnh đạo đơn vị quản lý trực tiếp.
- Danh sách trích ngang thành tích.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

- Tờ trình đề nghị khen thưởng;
- Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng, quá trình công tác hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích đối với khen thưởng thành tích có nội dung tối mật, tuyệt mật để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

4. Đối với cá nhân là nông dân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác; cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

5. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể phải phù hợp với hình thức khen thưởng; phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm hoặc văn bản xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tính thành tích khen thưởng (đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ); số quyết định, ngày, tháng, năm được tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (trừ trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

Điều 22. Thời gian xét khen thưởng

1. Việc xét thi đua, khen thưởng thường xuyên đối với các tập thể, cá nhân thuộc Hội Nông dân các cấp được xét khen thưởng 01 năm/01 lần vào dịp tổng kết cuối năm.

2. Khen thưởng 5 năm vào cuối nhiệm kỳ hoặc khen thưởng sơ kết, tổng kết 3 năm trở lên đối với một lĩnh vực hoặc một chuyên đề công tác.

3. Đối với các trường hợp khen thưởng chuyên đề, đột xuất không quy định thời gian.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC BỘ MÁY HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng là cơ quan tham mưu cho Ban Thường vụ, Chủ tịch Ban Chấp hành, Thủ trưởng cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp nào do Ban Thường vụ cấp đó quyết định thành lập.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

2.1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội

- Chủ tịch Hội đồng: là đồng chí Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Không quá 04 người (trong đó có Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội và trưởng ban, đơn vị làm công tác thi đua, khen thưởng). Trưởng ban, đơn vị làm công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực.
- Ủy viên của Hội đồng: là các đồng chí lãnh đạo một số ban, đơn vị. Cán bộ lãnh đạo ban chuyên môn phụ trách thi đua, khen thưởng là ủy viên Thường trực Hội đồng.

2.2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh, huyện và cơ sở

Do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quy định.

2.3. Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

- Trung ương Hội: Ban Tổ chức là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.
- Đối với Hội Nông dân cấp tỉnh: Ban Tổ chức (hoặc Văn phòng, Ban Xây dựng Hội) là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

a) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ, thủ trưởng cơ quan phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn.

c) Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị và đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng với các cấp có thẩm quyền.

d) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ và thủ trưởng cơ quan về nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp, hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua; tổng hợp kết quả thi đua, đề nghị khen thưởng.

đ) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ và thủ trưởng cơ quan kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

e) Tham mưu cho ban chấp hành, ban thường vụ và thủ trưởng cơ quan quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

g) Xem xét, giải quyết và đề nghị giải quyết các kiến nghị, khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

Điều 24. Nhiệm vụ của khối, cụm thi đua

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động thi đua.
2. Xác định nội dung, chỉ tiêu, biện pháp thi đua; phát động, ký giao ước thi đua.
3. Kiểm tra kết quả thực hiện phong trào thi đua trong khối, cụm thi đua; đánh giá, xếp loại các đơn vị trong khối, cụm thi đua.
4. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua 6 tháng, hằng năm; đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua của khối, cụm thi đua; trao đổi kinh nghiệm, xây dựng mô hình thi đua, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.
5. Tổ chức bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong khối, cụm thi đua để đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua trong tổng kết phong trào thi đua.

CHƯƠNG VI QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thành lập quỹ thi đua, khen thưởng:

Quỹ thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân các cấp để tặng cho các tập thể, cá nhân được hình thành từ ngân sách Nhà nước cấp hàng năm, từ nguồn thu Hội phí, từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Trung ương Hội tự đảm bảo dưới 70% chi thường xuyên được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch,

bậc của viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài. Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Trung ương Hội tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên, được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định và giao cho cơ quan quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện. Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do cơ quan được giao tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh phối hợp với cơ quan tài chính cấp tỉnh quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Người ra quyết định khen thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật Thi đua, khen thưởng chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

Các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Trung ương Hội được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì cơ quan Trung ương Hội có trách nhiệm chi thưởng từ ngân sách nhà nước của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng.

3. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: Chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích đạt được; chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến, học tập, trao đổi kinh nghiệm về thi đua, khen thưởng; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính.

4. Nguyên tắc tính tiền thưởng

- Tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ nông dân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận danh hiệu thi đua, quyết định hình thức khen thưởng.

- Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng.

- Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều hình thức khen thưởng, có thời gian, thành tích đạt được các hình thức khen thưởng đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các hình thức khen thưởng tương ứng.

- Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa được công nhận danh hiệu thi đua vừa được quyết định hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

- Trong trường hợp thực hiện chính sách cải cách tiền lương, Chính phủ sẽ quy định quỹ thi đua khen thưởng và mức tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tặng cho cá nhân, tập thể, hộ nông dân.

5. Chế độ khen thưởng

a) Trung ương Hội: Chi khen thưởng cho tập thể tỉnh, thành Hội; các ban, đơn vị và cá nhân thuộc cơ quan Trung ương Hội đạt danh hiệu thi đua hàng năm của Trung ương Hội hoặc khen thưởng tại Hội nghị sơ kết, tổng kết lĩnh vực hoạt động, chuyên đề do Trung ương tổ chức.

Mức tiền thưởng của các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Trung ương Hội do Thường trực Trung ương Hội quyết định.

b) Việc chi thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh, huyện, cơ sở do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh hướng dẫn.

CHƯƠNG VII KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

Hằng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân và phối hợp với Ủy ban Kiểm tra cùng cấp tiến hành kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý; việc thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và các điều khoản của Quy định này; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Hội thì bị xử lý theo các quy định của Điều lệ Hội và pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Việc thu hồi quyết định khen thưởng, hiện vật và tiền thưởng của Hội được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Tập thể, cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng.
- Hiện vật khen thưởng hay danh hiệu thi đua của Hội bị sử dụng sai mục đích hoặc bị lợi dụng vào những việc vi phạm pháp luật.
- Tập thể, cá nhân được nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có hành vi vi phạm pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm Điều lệ Hội đến mức gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của tổ chức Hội.

3. Việc thu hồi khen thưởng do cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó xem xét quyết định thu hồi.

4. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng, người lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật hoặc trái với Quy định này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và của tổ chức Hội.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm tham mưu cho Ban Thường vụ Trung ương Hội và phối hợp với Ủy Ban kiểm tra của Hội cùng cấp tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo đúng các quy định của Hội Nông dân Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Trung ương Hội chủ trì, phối hợp với các ban, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ xây dựng các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội kết quả thực hiện.

2. Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung quy định thi đua, khen thưởng của tỉnh, thành Hội để triển khai thực hiện.

Điều 30. Hiệu lực của Quy định

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành và thay thế Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1218 - QĐ/HNDTW ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc chưa phù hợp qua phản ánh của Hội Nông dân các tỉnh, thành phố, các ban, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương Hội, Ban Thường vụ Trung ương Hội sẽ nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.